

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày 25-11-2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Bà Bùi Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Số 77 khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Á, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 39B, khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nông Văn T1, sinh năm 1973.

- Anh Nông Đức T2, sinh năm 1999.

Đều có địa chỉ: Số 39B, khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.
Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng Thị N trình bày:

Bà Hoàng Thị Á làm nghề buôn bán, lao động tự do và là hàng xóm cùng khối phố với bà Hoàng Thị N, nên ngày 14/5/2016 bà Hoàng Thị Á đến nhà bà Hoàng Thị N hỏi mượn 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) để nhập một chuyên hàng về sau đó xuất đi cho khách, hứa trong vòng 15 ngày sẽ trả lại cho bà Hoàng Thị N toàn bộ số tiền trên. Đến ngày 18/5/2016 bà Hoàng Thị Á lại đến nhà bà Hoàng Thị N mượn thêm 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và hứa 05 ngày sau sẽ trả lại bà Hoàng Thị N toàn bộ số tiền trên và số tiền vay trước đó. Do là người quen biết, cùng khu phố nên bà Hoàng Thị N tin tưởng, đồng ý cho bà Hoàng Thị Á vay với tổng số tiền vay qua hai lần là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Cả hai lần vay đều có giấy biên nhận do bà Hoàng Thị Á viết, ghi lãi suất theo thỏa thuận và hẹn ngày trả. Sau khi cho bà Hoàng Thị Á vay tiền, khi đến ngày hẹn trả tiền bà Hoàng Thị N đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà Hoàng Thị Á trả lại tiền cho bà Hoàng Thị N nhưng bà Hoàng Thị Á không trả, trốn tránh, rồi lại khát hết ngày này sang ngày khác. Từ tháng 11 năm 2016 đến nay mỗi tháng bà Hoàng Thị Á vẫn lại trả bà Hoàng Thị N từ 5.000.000 đồng/tháng – 20.000.000 đồng/tháng. Do nhiều lần bà Hoàng Thị Á có đến trả cho bà Hoàng Thị N không ghi vào sổ sách hay tờ giấy biên nhận nên bà Hoàng Thị N không nhớ và cũng không có sổ ghi những lần bà Hoàng Thị Á đến trả nợ. Trong đơn khởi kiện bà Hoàng Thị N cho rằng bà Hoàng Thị Á trả được 262.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi hai triệu đồng). Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị N khẳng định bà Hoàng Thị Á đã trả cho bà Hoàng Thị N được số tiền là 283.000.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu đồng), còn nợ số tiền là 1.017.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười bảy triệu đồng).

Tại giấy biên nhận có ghi tên là chồng bà Hoàng Thị Á là ông Nông Văn T1. Tuy nhiên, ngày đến vay tiền thì chỉ có một mình bà Hoàng Thị Á; không có ai làm chứng khác. Việc giao dịch vay nợ này chỉ có bà Hoàng Thị Á và bà Hoàng Thị N thực hiện. Chồng bà Hoàng Thị N không tham gia việc giao dịch này. Trong giấy có ghi lãi suất theo thỏa thuận là trước đây nhiều lần bà Hoàng Thị Á có đến vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Nhưng hiện tại bà Hoàng Thị N không yêu cầu bà Hoàng Thị Á trả tiền lãi. Do tuổi cao, cần tiền về dưỡng già, chữa bệnh; nay bà Hoàng Thị N yêu cầu bà Hoàng Thị Á trả số tiền nợ gốc còn lại là 1.017.000.000 đồng (Một tỷ không trăm mười bảy triệu đồng).

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị Á trình bày:

Bà Hoàng Thị Á làm nghề buôn bán tự do. Vì vậy, ngày 14/5/2016 bà Hoàng Thị Á đến nhà bà Hoàng Thị N hỏi mượn 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) có giấy biên nhận do bà Hoàng Thị Á viết đưa cho bà Hoàng Thị N với lãi suất thỏa thuận và thời hạn trả là 15 ngày. Đến ngày 18/5/2016, do cần tiền gấp nên bà Hoàng Thị Á lại đến nhà bà Hoàng Thị N nói mượn thêm 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) để đi lấy hàng về để buôn cho khách với lãi suất thỏa thuận và thời hạn trả là 05 ngày. Tổng cộng bà Hoàng Thị Á vay bà Hoàng Thị N số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Do làm ăn thất bát, bà

Hoàng Thị Á không có tiền trả cho bà Hoàng Thị N một lần với số tiền nhiều vậy, nên hàng tháng bà Hoàng Thị Á có trả bà Hoàng Thị N từng ít một. Bà Hoàng Thị Á đã trả được cho bà Hoàng Thị N số tiền gốc là 283.200.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Bà Hoàng Thị Á và bà Hoàng Thị N thỏa thuận tròn số là bà Hoàng Thị Á đã trả được 283.000.000đ (hai trăm tám mươi ba triệu đồng), nay còn nợ là 1.017.000.000đ (một tỷ không trăm mười bảy triệu đồng).

Bà Hoàng Thị Á thừa nhận được vay và nhận tiền mặt với bà Hoàng Thị N số tiền 1.300.000.000đ (một tỷ ba trăm triệu đồng). Việc vay tiền chỉ riêng bà Hoàng Thị Á thực hiện, không liên quan tới chồng bà là Nông Văn T1 và con trai Nông Đức T2. Những lần bà Hoàng Thị Á không đi trả được thì có nhờ chồng và con trai đi trả hộ. Ngày vay tiền bà Hoàng Thị N chỉ có một mình bà Hoàng Thị Á và bà Hoàng Thị N thực hiện giao dịch, không có ai làm chứng. Nay bà Hoàng Thị N kiện yêu cầu bà Hoàng Thị Á trả toàn bộ số tiền trên thì bà Hoàng Thị Á đồng ý nhưng có ý kiến như sau:

Trường hợp thứ nhất, bà Hoàng Thị Á vẫn tiếp tục trả nợ dần cho bà Hoàng Thị N cho đến khi hết nợ.

Trường hợp thứ hai, bà Hoàng Thị Á xin bà Hoàng Thị N giảm bớt số tiền mà đã vay. Bà Hoàng Thị Á xin được trả 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) trong vòng một năm. Lý do, trước đây bà Hoàng Thị Á có được vay bà Hoàng Thị N nhiều lần và đã được trả tiền lãi nhiều; tiền lãi thỏa thuận là 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tiền lãi đó không liên quan đến hai lần vay này).

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T1 và anh Nông Đức T2 cùng có ý kiến trình bày: Ông Nông Văn T1 và anh Nông Đức T2 có biết vợ, mẹ Hoàng Thị Á vay tiền bà Hoàng Thị N để làm ăn nhưng cụ thể vay như thế nào thì không biết. Chỉ được bà Hoàng Thị Á có nhờ đi trả tiền cho bà Hoàng Thị N một vài lần; còn cụ thể ngày tháng năm nào đi trả cho bà Hoàng Thị N thì không còn nhớ, số tiền được trả không nhớ. Nay bà Hoàng Thị N yêu cầu bà Hoàng Thị Á trả hết số tiền đã vay, ông Nông Văn T1 và anh Nông Đức T2 không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án các đương sự đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể: Buộc bà Hoàng Thị Á có nghĩa vụ, trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị N số tiền là 1.017.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười bảy

triệu đồng). Về án phí: Bị đơn bà Hoàng Thị Á phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Hoàng Thị Á. Các bên có lập văn bản thỏa thuận cho vay, nợ tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hoàng Thị Á có địa chỉ tại khối phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản tự khai, biên bản lấy lời khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Văn T1 và anh Nông Đức T2 đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt do đã có lời khai cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn bà Hoàng Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chứng cứ chứng minh bao gồm 02 giấy biên nhận lập ngày 14/5/2016 và 18/5/2016. Hai giấy biên nhận đều ghi rõ người vay tiền và người cho vay tiền, lãi suất thỏa thuận và hạn thời gian trả; do vậy các văn bản này đều thể hiện rõ ý chí của các bên, có giá trị pháp lý. Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà Hoàng Thị Á đều thừa nhận ngày 14/5/2016 vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và ngày 18/5/2016 vay 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng); tổng hai lần vay là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm nghìn đồng), được nhận tiền mặt đủ, không phải số tiền dồn lãi qua nhiều lần vay trước đây, do đó bà Hoàng Thị Á xin được giảm bớt số tiền đã vay và trả 700.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị N là không có căn cứ. Như vậy, có cơ sở để xác định bà Hoàng Thị Á có nợ bà Hoàng Thị N số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm nghìn đồng) qua hai lần vay; đã trả được 283.000.000 đồng (hai trăm tám mươi ba triệu đồng), nay còn nợ số tiền 1.017.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười bảy triệu đồng). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 464, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[5] Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và không yêu cầu trả tiền lãi xuất nợ là hoàn toàn tự nguyện, cần được tôn trọng

quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Á phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền phải thanh toán nợ, cụ thể 36.000.000 đồng + $(3\% \times 217.000.000 \text{ đồng}) = 42.510.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi hai triệu năm trăm mười nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, 463, 464, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Á phải có trách nhiệm, nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị N tổng số tiền là 1.017.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị Á phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch với số tiền là 42.510.000 đồng (bốn mươi hai triệu năm trăm mười nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt